

THÔNG BÁO

Tuyển sinh chuyên khoa cấp I, chuyên khoa cấp II của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế năm 2023

Căn cứ Quyết định số 1636/2001/QĐ-BYT ngày 25 tháng 05 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành quy chế đào tạo chuyên khoa cấp I sau đại học;

Căn cứ Quyết định số 1637/2001/QĐ-BYT ngày 25 tháng 5 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành quy chế đào tạo chuyên khoa cấp II sau đại học;

Căn cứ công văn số 5267/BYT-K2ĐT ngày 29 tháng 7 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc miễn thi ngoại ngữ tuyển sinh CKII sau đại học;

Căn cứ công văn số 622/BYT-K2ĐT ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn tuyển sinh và đào tạo CKI, CKII, BSNT trong năm 2020;

Căn cứ công văn số 390/K2ĐT-ĐT ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo, Bộ Y tế về việc công tác tuyển sinh và đào tạo CKI, CKII và BSNT năm 2023;

Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế thông báo tuyển sinh Chuyên khoa cấp I, Chuyên khoa cấp II năm 2023 như sau:

I. CHUYÊN NGÀNH TUYỂN SINH

1.1. Chuyên khoa cấp I

Hình thức đào tạo tập trung 2 năm gồm các chuyên ngành sau:

- | | | |
|-----------------------|--|--------------------------------|
| 1. Nội khoa | 12. Da liễu | 23. Sinh lý |
| 2. Ngoại khoa | 13. Truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới | 24. Hoá sinh y học |
| 3. Sản Phụ khoa | 14. Tâm thần | 25. Y tế công cộng |
| 4. Nhi khoa | 15. Ung thư | 26. Dịch tễ học |
| 5. Nhân khoa | 16. Lao | 27. Y học dự phòng |
| 6. Răng Hàm Mặt | 17. Phục hồi chức năng | 28. Y học gia đình |
| 7. Tai Mũi Họng | 18. Hồi sức cấp cứu | 29. Điều dưỡng |
| 8. Chẩn đoán hình ảnh | 19. Cấp cứu đa khoa | 30. Tổ chức quản lý dược |
| 9. Gây mê hồi sức | 20. Huyết học - Truyền máu | 31. Dược liệu - Dược cổ truyền |
| 10. Y học cổ truyền | 21. Ký sinh trùng - Côn trùng | 32. Dược lý và dược lâm sàng |
| 11. Thần kinh | 22. Vi sinh y học | |

1.2. Chuyên khoa cấp II

Hình thức đào tạo tập trung 2 năm gồm các chuyên ngành sau:

- | | | |
|----------------------------|--------------------|--|
| 1. Nội khoa | 12. Sản Phụ khoa | 23. Tâm thần |
| 2. Nội - Thận tiết niệu | 13. Phụ khoa | 24. Gây mê hồi sức |
| 3. Nội - Tim mạch | 14. Sản khoa | 25. Chẩn đoán hình ảnh |
| 4. Nội - Nội tiết | 15. Nhi khoa | 26. Truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới |
| 5. Nội - Tiêu hoá | 16. Nhi - Tim mạch | 27. Huyết học |
| 6. Lão khoa | 17. Nhi - Tiêu hóa | 28. Hóa sinh y học |
| 7. Thần kinh | 18. Nhi - Thận | 29. Y học cổ truyền |
| 8. Ngoại khoa | 19. Nhi - Sơ sinh | 30. Quản lý y tế |
| 9. Ngoại - Tiêu hóa | 20. Nhân khoa | 31. Dược lý - Dược lâm sàng |
| 10. Ngoại - Tiết niệu | 21. Răng Hàm Mặt | 32. Hồi sức cấp cứu |
| 11. Chấn thương chỉnh hình | 22. Mũi Họng | 33. Ung thư |

II. ĐIỀU KIỆN DỰ THI

2.1. Chuyên khoa cấp I

- Thí sinh chỉ đăng ký dự thi chuyên ngành tương ứng với ngành được đào tạo ở trình độ đại học.

- Riêng đối với những bác sĩ làm việc liên tục từ trước ngày 01/01/2012 (theo Thông tư số 41/2011/TT-BYT) cho đến ngày đăng ký dự thi được dự thi chuyên ngành đang làm việc. Các thí sinh thuộc diện này cần nộp đầy đủ các minh chứng làm việc liên tục trong chuyên ngành đăng ký dự thi: Hợp đồng lao động, quyết định tuyển dụng (quyết định điều động, quyết định tiếp nhận, phân công chuyên môn, nhiệm vụ) và bản photo công chứng sổ bảo hiểm xã hội liên tục từ khi tuyển dụng đến ngày đăng ký dự thi.

- Đối với bác sĩ y học dự phòng tốt nghiệp sau ngày 01/01/2012 đã được cấp chứng chỉ hành nghề với phạm vi chuyên môn là được khám, phát hiện và xử trí các bệnh thông thường; xử trí ban đầu một số trường hợp cấp cứu tại cộng đồng thì được đăng ký dự thi chuyên khoa cấp I chuyên ngành Y học gia đình.

- Thí sinh dự thi chuyên ngành Y tế công cộng, Điều dưỡng có bằng tốt nghiệp đại học với hình thức đào tạo liên thông vừa làm vừa học phải tốt nghiệp đạt loại khá trở lên.

- Có chứng chỉ hành nghề đối với các lĩnh vực yêu cầu chứng chỉ hành nghề theo quy định của Luật Khám chữa bệnh.

- Có thời gian công tác trong chuyên ngành đăng ký dự thi từ 12 tháng trở lên đến thời điểm đăng ký dự thi (có xác nhận của thủ trưởng cơ sở khám bệnh, chữa bệnh).

- Có đủ sức khỏe để học tập.

- Lý lịch bản thân rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Người nước ngoài muốn học chuyên khoa cấp I tại Việt Nam, phải có đủ các điều kiện quy định ở điều này và được Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam giới thiệu.

2.2. Chuyên khoa cấp II

- Thí sinh có bằng tốt nghiệp chuyên khoa cấp I hoặc bác sĩ nội trú hoặc thạc sĩ chuyên ngành tương ứng với chuyên ngành dự thi ở trình độ chuyên khoa cấp II.

- Có chứng chỉ hành nghề đối với các lĩnh vực yêu cầu chứng chỉ hành nghề theo quy định của Luật Khám chữa bệnh.

- Thí sinh được dự thi sau khi tốt nghiệp chuyên khoa cấp I, bác sĩ nội trú hoặc có thâm niên chuyên môn trong chuyên ngành dự thi 3 năm trở lên sau khi tốt nghiệp thạc sĩ (tính theo ngày cấp bằng).

- Có đủ sức khỏe để học tập.

- Lý lịch bản thân rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Người nước ngoài muốn học chuyên khoa cấp II tại Việt Nam, phải có đủ các điều kiện quy định ở điều này và được Bộ Ngoại giao Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam giới thiệu.

III. HỒ SƠ DỰ THI GỒM CÓ

1. Đơn xin dự thi, trong đó ghi rõ chuyên ngành dự thi và môn ngoại ngữ dự thi (đối với thí sinh thi tuyển chuyên khoa cấp II).
 2. Bản sao có công chứng Bằng tốt nghiệp Đại học.
 3. Bản sao có công chứng Bằng tốt nghiệp chuyên khoa cấp I, thạc sĩ (kèm bảng điểm) hoặc Bác sĩ nội trú đối với thí sinh dự thi chuyên khoa cấp II.
 4. Giấy xác nhận thâm niên công tác trong chuyên ngành của cơ quan quản lý.
 5. Bản sao có công chứng Chứng chỉ hành nghề.
 6. Công văn giới thiệu đi dự thi của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhân sự đối với những người đang làm việc tại các cơ quan, đơn vị nhà nước và ngoài nhà nước.
 7. Sơ yếu lý lịch: Có xác nhận của cơ quan quản lý có thẩm quyền, ghi rõ nơi sinh theo địa dư mới.
 8. Giấy chứng nhận đủ sức khỏe để học tập do bệnh viện đa khoa cấp.
 9. Đơn xin miễn ngoại ngữ và bản sao có công chứng văn bằng hoặc chứng chỉ đủ điều kiện miễn thi môn ngoại ngữ (nếu có) hoặc giấy tờ minh chứng về đối tượng được miễn thi môn ngoại ngữ có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền.
 10. 04 ảnh 3x4 và 02 ảnh 2x3 (ghi rõ họ tên, ngày sinh và nơi sinh mặt sau ảnh).
 11. 03 phong bì có dán tem ($\geq 4.000\text{đ}$) và ghi địa chỉ người nhận, số điện thoại.
 12. Các giấy tờ khác liên quan đến điều kiện dự thi theo quy định của thông báo.
- Tất cả đựng trong túi hồ sơ; ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh, nơi sinh, đơn vị công tác, địa chỉ, số điện thoại liên lạc và các mục giấy tờ xếp theo thứ tự nêu trên.*

IV. CÁC MÔN THI TUYỂN

4.1. Chuyên khoa cấp I: Gồm 2 môn bắt buộc

- **Môn Chuyên ngành:** Theo chuyên ngành đăng ký dự thi, riêng chuyên ngành Y học gia đình thi môn tổng hợp (Nội khoa, Ngoại khoa, Sản phụ khoa, Nhi khoa, Y tế công cộng), chuyên ngành Điều dưỡng thi môn Điều dưỡng đa khoa, chuyên ngành Y tế công cộng thi môn Tổ chức y tế.

- **Môn cơ sở:**

- + **Giải phẫu** cho các chuyên ngành Ngoại khoa, Sản Phụ khoa, Chẩn đoán hình ảnh, Ung thư, Sinh lý học.
- + **Giải phẫu đầu mặt cổ** cho các chuyên ngành Nhãn khoa, Tai Mũi Họng.
- + **Sinh lý** cho các chuyên ngành Nội khoa, Nhi khoa, Gây mê hồi sức, Tâm thần, Huyết học Truyền máu, Y học cổ truyền, Thần kinh, Da liễu, Truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới, Y học gia đình, Lao, Hồi sức cấp cứu, Cấp cứu đa khoa, Phục hồi chức năng, Hóa sinh y học.
- + **Dịch tễ học cơ sở** cho các chuyên ngành Y tế công cộng, Y học dự phòng.
- + **Tổ chức y tế** cho chuyên ngành Dịch tễ học.
- + **Ký sinh trùng** cho chuyên ngành Vi sinh y học.
- + **Vi sinh** cho chuyên ngành Ký sinh trùng - Côn trùng.
- + **Hóa phân tích** cho các chuyên ngành Tổ chức quản lý dược, Dược liệu - Dược cổ truyền, Dược lý và dược lâm sàng.
- + **Cơ sở Răng hàm mặt** cho chuyên ngành Răng Hàm Mặt.
- + **Điều dưỡng cơ bản** cho chuyên ngành Điều dưỡng.

4.2. Chuyên khoa cấp II: Gồm 2 môn bắt buộc

- **Môn chuyên ngành:** Theo chuyên ngành đăng ký dự thi.
- **Môn ngoại ngữ:** Tương đương trình độ C (Anh/ Pháp).
- + Điều kiện miễn thi ngoại ngữ tuyển sinh đầu vào nhưng phải đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo quy định hiện hành của Bộ Y tế:

- Có thời gian công tác 3 năm trở lên liên tục tại khu vực 1.
- Không phải người dân tộc Kinh, công tác tại khu vực 2 nông thôn 3 năm liên tục trở lên.
- Thí sinh đạt trình độ bậc 3 của khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam (theo thông tư 01/2014/BGDĐT ngày 24/01/2014 ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam).
- Thí sinh phải tự học, thi và nộp chứng chỉ chuẩn đầu ra ngoại ngữ đạt trình độ bậc 4 của khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam trước khi tốt nghiệp.

+ Điều kiện miễn thi ngoại ngữ tuyển sinh đầu vào và đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ:

- Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành.
- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài.
- Học viên đạt trình độ bậc 4 của khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam được miễn thi, miễn học (công văn số 622/BYT-K2ĐT ngày 12/02/2020 của Bộ Y tế).

V. THỜI GIAN TỔ CHỨC ÔN TẬP VÀ THI TUYỂN

- Thời gian nhận hồ sơ: từ ngày ban hành thông báo đến hết ngày **05/5/2023**.
- Thời gian dự kiến ôn tập thi tuyển: từ ngày **15/5/2023**.
- Thời gian thi tuyển (dự kiến): **ngày 17-18/6/2023**.
- Lệ phí:
- + Đăng ký dự thi: 100.000đ/thí sinh (nộp cùng hồ sơ đăng ký dự thi)
- + Dự thi: 1.000.000 đồng/thí sinh (sẽ có hướng dẫn chuyển tiền qua tài khoản Nhà trường khi có giấy báo dự thi)

Mọi thông tin và các thủ tục đăng ký dự thi xin liên hệ tại Phòng Đào tạo Sau đại học, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế, số 06 Ngô Quyền - thành phố Huế. Số điện thoại: 0234.3820857. Email: phong.dtsdh@huemed-univ.edu.vn

Ghi chú: Các cơ sở y tế có nhu cầu đăng ký đào tạo chuyên khoa cấp I, chuyên khoa cấp II năm 2023 xin gửi công văn đề xuất về Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế trước ngày **14/4/2023** để Nhà trường có kế hoạch tuyển sinh, đào tạo phù hợp./.

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Bộ Y tế (để báo cáo);
- Đại học Huế (để báo cáo);
- Ban Giám hiệu (để báo cáo);
- Các Sở Y tế, bệnh viện và cơ sở y tế;
- Các Trường Đại học và cơ sở đào tạo y dược;
- Phòng/Khoa/Bộ môn/Viện trong toàn Trường;
- Lưu: VT, ĐTSĐH.

GS.TS. Nguyễn Vũ Quốc Huy